

Số: /2025/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 308/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 298/BC-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ 2021 - 2026 (Kỳ họp thứ mười) Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Thái Nguyên.



## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; mức chi, định mức khoán chi đối với công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật các cấp của tỉnh Thái Nguyên.

Nghị quyết này không quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã.

### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc tham gia trong công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật của cấp tỉnh; công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật các cấp của tỉnh Thái Nguyên.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 2. Nội dung, mức khoán chi và định mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Tổng mức chi cho xây dựng văn bản mới hoặc thay thế quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là 30.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Mức khoán chi cho từng nhiệm vụ đối với xây dựng văn bản mới hoặc thay thế nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì áp dụng tổng mức chi và mức khoán chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.



b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 30% tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật, căn cứ tình hình thực tế, tham chiếu định mức khoán chi cho từng lĩnh vực hoạt động tương ứng với các sản phẩm tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này để quyết định mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm do đơn vị mình thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không vượt mức khoán chi cho nhiệm vụ được giao quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện, tương ứng định mức khoán chi quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 3. Mức chi, định mức khoán chi đối với công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật các cấp của tỉnh Thái Nguyên**

1. Định mức khoán chi đối với công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật các cấp của tỉnh Thái Nguyên được áp dụng bằng mức khoán chi tối đa quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

2. Đối với các nội dung chi, định mức khoán chi không được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, được áp dụng bằng mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC.



#### **Điều 4. Nguồn kinh phí**

Nguồn kinh phí đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

2. Các nội dung chi, mức chi liên quan đến hoạt động thẩm tra, trình thông qua nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh không áp dụng theo các quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Thái Nguyên ban hành;

c) Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;



d) Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;


đ) Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

4. Nội dung sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

5. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

#### **Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp**

Áp dụng quy định chuyển tiếp tại Điều 30 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP đối với các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản trước ngày 01 tháng 7 năm 2025; đối với các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã được ban hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thanh toán hoặc đã thanh toán theo mức chi quy định trước đây, được bổ sung dự toán và thanh toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này cho các hoạt động, nhiệm vụ đã thực hiện và có sản phẩm cụ thể.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ 2021 - 2026 (Kỳ họp thứ mười) thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025./.* 

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. 

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Bình**

### Phụ lục I

## MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VĂN BẢN MỚI, THAY THẾ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng mức chi	Nhiệm vụ soạn thảo <sup>1</sup>	Nhiệm vụ thẩm định <sup>2</sup>	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình UBND, Chủ tịch UBND <sup>3</sup>	Nhiệm vụ thẩm tra, trình thông qua <sup>4</sup>
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	250	140	21	14	75
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	100	80	12	8	-
3	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	30	24	3,6	2,4	-

<sup>1</sup> Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị dự toán; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là đơn vị dự toán (đối với các văn bản quy phạm pháp luật do các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh soạn thảo)

<sup>2</sup> Sở Tư pháp là đơn vị dự toán.

<sup>3</sup> Văn phòng UBND tỉnh là đơn vị dự toán.

<sup>4</sup> Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là đơn vị dự toán.



**Phụ lục II**

**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI TRONG CÔNG TÁC SOẠN THẢO;  
THẨM ĐỊNH; TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH;  
THẨM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (triệu đồng)		
			Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
<b>I</b>	<b>NHIỆM VỤ SOẠN THẢO</b>				
1	Xây dựng Tờ trình (tham mưu đánh giá về sự cần thiết ban hành văn bản bao gồm cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn; mục đích, quan điểm; xác định về quy trình xây dựng văn bản; dự kiến sơ bộ bố cục và nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành văn bản)	Dự thảo Tờ trình/Tờ trình	20	12	2



STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)		
			Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (dự thảo sơ bộ, dự thảo do Tổ soạn thảo thống nhất và dự thảo báo cáo lãnh đạo cơ quan chủ trì soạn thảo trước khi xin ý kiến, đăng tải công khai hoặc đánh giá tác động ảnh hưởng)	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	45	27	9
3	<p>Các nhóm hoạt động liên quan đến đánh giá tác động ảnh hưởng, tổ chức lấy ý kiến dự thảo, đăng tải trên môi trường điện tử:</p> <p>(1) Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản</p> <p>(2) Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo; đánh giá đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được</p>	<p>Một hoặc một số sản phẩm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo</li> <li>- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật liên quan đến dự thảo văn bản</li> <li>- Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo</li> <li>- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ,</li> </ul>	42	22	5

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)		
			Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	<p>phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; truyền thông chính sách</p> <p>(3) Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý</p>	<p>quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích...)</li> <li>- Ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác...)</li> <li>- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý</li> </ul>			
4	Hoạt động lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền	Văn bản thông báo/kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền	10	8	3
5	Xây dựng báo cáo tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	6	4	2



STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)		
			Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
6	Xây dựng báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	6	-	-
7	Hoàn thiện dự thảo văn bản sau thẩm định, thẩm tra	Dự thảo văn bản được hoàn thiện sau thẩm định và thẩm tra	11	7	3
<b>Tổng</b>			<b>140</b>	<b>80</b>	<b>24</b>
<b>II</b>	<b>NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH</b>				
	Sở Tư pháp thẩm định độc lập hoặc tổ chức Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Sở Tư pháp mời đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học... tham gia cuộc họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Một hoặc một số sản phẩm như sau: - Dự thảo Báo cáo thẩm định sơ bộ của chuyên viên/ý kiến thẩm định của Phòng chuyên môn hoặc tổ thẩm định (nếu có) - Báo cáo thẩm định chính thức của Sở Tư pháp - Văn bản, biên bản họp - Ý kiến bằng văn bản hoặc ý kiến thể hiện trong biên bản cuộc họp	21	12	3,6
<b>Tổng</b>			<b>21</b>	<b>12</b>	<b>3,6</b>

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)		
			Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
III	<b>TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN</b>				
1	Chuẩn bị tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh; lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; lấy ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	Phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	5	2	1
2	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến thẩm định, ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	Hồ sơ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thẩm định, ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).	9	6	1,4
<b>Tổng</b>			<b>14</b>	<b>8</b>	<b>2,4</b>



STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)		
			Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
<b>IV</b>	<b>NHIỆM VỤ THẨM TRA, TRÌNH THÔNG QUA</b>				
<b>1</b>	<b>Chủ trì nội dung thẩm tra</b>		<b>45</b>		
1.1	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ, quy trình và tham mưu xây dựng các văn bản chuẩn bị thẩm tra	Công văn, kế hoạch...phục vụ công tác thẩm tra	5	-	-
1.2	Nghiên cứu tài liệu phục vụ thẩm tra		15	-	-
1.3	Xây dựng báo cáo thẩm tra trình kỳ họp bao gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp	- Báo cáo thẩm tra - Tham gia ý kiến của các thành viên - Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia	25	-	-
<b>2</b>	<b>Phối hợp thẩm tra (03 cơ quan)</b>		<b>15</b>	-	-
	Xây dựng báo cáo phối hợp nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh	Báo cáo phối hợp thẩm tra (tính theo sản phẩm của 01 báo cáo phối hợp)	5	-	-

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)		
			Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
3	<b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo</b>		10	-	-
	Xây dựng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo	Văn bản	10	-	-
4	<b>Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình ký chứng thực, ban hành</b>	Nghị quyết	5	-	-
<b><i>Tổng</i></b>			75		